TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2020
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa.
Bà Dương Thị Kim Hồng

- T ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2019/HNGĐ – TLST ngày 26/12/2019 về " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐ - ST ngày 14/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐ-ST ngày 02/3/2020 giữa:

1.Nguyên đơn : Chị Hoàng Thị B, sinh ngày 28/8/1990.

HKTT: KDC Cầu D, phường H, thành Phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh ngày 11/7/1987.

HKTT:KDC Trại Sắt, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bầy: Chị và anh Th được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã H, huyện L (nay là phường H, thành phố L) tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 4 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại nhà chị được 3 tháng, sau đó anh Th vào Bắc An, L sống cùng bố mẹ đẻ được 2 tháng thì đi nước ngoài, khi đi không bàn bạc với chị. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc. Hết hợp đồng 3 năm anh Th về thăm gia đình một lần, mỗi lần về Việt Nam vợ chồng không chung sống cùng nhau, dẫn đến tình cảm phai nhạt. Đầu năm 2019 chị và anh Th chấm dứt liên lạc, nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung : Chị và anh Th có con chung là cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 27/10/2009, hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị B không cung cấp được địa chỉ của anh Th tại Đài Loan, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình anh Th, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Th. Bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh Th xác định, anh Th hiện lao động tại Đài Loan, bà không biết địa chỉ của anh Th nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Th thường xuyên liên lạc về gia đình. Theo bà N cung cấp, do anh Th và chị B không thống nhất được nơi ở nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mỗi người ở một nơi. Khoảng năm 2013 anh Th đi Đài Loan lao động, khi về Việt Nam mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Th biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà N xác định đã thông tin cho anh Th biết. Anh Th có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị B, nhưng cũng không về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị B kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh Th đồng ý để chị B nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B không cung cấp được địa chỉ của anh Th ở Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Th cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn

bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị B có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L (nay là phường H, thành phố L) tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 4 năm 2009, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới anh Th sống tại nhà chị B được 3 tháng rồi về Bắc An, L sống cùng bố mẹ đẻ, sau đó anh Th đi Đài Loan lao động, vợ chồng mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, thông qua gia đình, anh Th có quan điểm không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị B kiên quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Xét thấy thực tế anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm và không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh Th không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để khắc phục tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

- *Về con chung:* Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn Th có 01 con là cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 27/10/2009. Hiện cháu T đang ở với chị B, ly hôn chị B có nguyện vọng được nuôi con, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thực tế, anh Th đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 27/10/2009 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0000730 ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

<u>Nơi nhận:</u>
- *VKS tỉnh Hải Dương*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã A*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền